

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

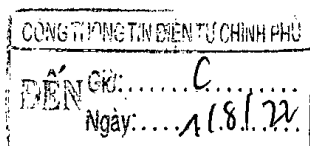
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2022/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 2439/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi tắt là Chương trình)

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình; là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư 5 năm và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

2. Đối tượng

a) Các sở, ban, ngành, các cơ quan khác ở cấp tỉnh, các huyện, xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành và địa phương);

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

3. Nguyên tắc phân bổ vốn

a) Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra;

b) Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng đảm bảo không phân tán, dàn trải; tập trung đầu tư hỗ trợ các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Vốn ngân sách Trung ương ưu tiên đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối (hệ thống cầu, đường giao thông) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là các xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn;

c) Thực hiện phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật;

d) Việc phân bổ kế hoạch vốn hằng năm cho các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch, bảo đảm công khai, minh bạch, dễ áp dụng; đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước

(Tiêu chí định mức và phương pháp phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và các địa phương thực hiện theo phụ lục kèm theo)

5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) bố trí đối ứng 10% tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, trong đó:

a) Vốn đầu tư phát triển: Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng 10% vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương hỗ trợ;

b) Vốn sự nghiệp: Ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã đảm bảo bố trí đối ứng 10% vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2022. *Qu*

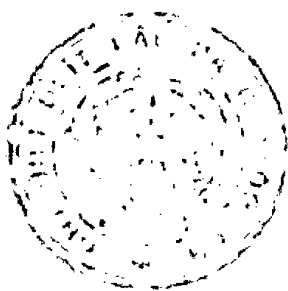
Nơi nhận:

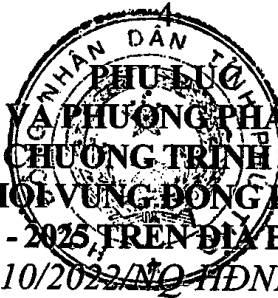
- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các bộ: KH&ĐT, Tài chính, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế - Ủy ban Dân tộc;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện Tân Sơn, Yên Lập, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Đoan Hùng;
- CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu VT, P.CTHĐND (QN).

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu





**TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHUÔNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT
TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**
(Kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

A. PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Tổng số vốn phân bổ cho địa phương A bằng tổng vốn phân bổ cho các dự án, tiểu dự án thứ i.

2. Vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án thứ i của các địa phương theo tiêu chí, hệ số được xác định như sau:

Vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án thứ i của địa phương A	=	(Vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án thứ i – vốn phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i của các sở, ban, ngành) Tổng số điểm của Dự án, Tiểu dự án thứ i của tất cả các địa phương	x	Điểm số của Dự án, Tiểu dự án thứ i của địa phương A
--	---	--	---	--

Trong đó:

- Vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án thứ i của các sở, ban, ngành theo tỷ lệ % quy định trong tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án.
- Điểm số của Dự án, Tiểu dự án thứ i của địa phương A: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí phân bổ vốn thực hiện các dự án.
- Tổng số điểm theo tiêu chí của Dự án, Tiểu dự án thứ i của tất cả các địa phương: Là tổng điểm số của Dự án, Tiểu dự án thứ i của 5 huyện (Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Thanh Thủy) trên địa bàn tỉnh.
- Xã khu vực III, khu vực II và khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và quy định sửa đổi (nếu có).
- Xã CT 229 được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Danh sách thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK) theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và quy định sửa đổi (nếu có).

- Tỷ lệ hộ nghèo được xác định theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 được công bố của cấp có thẩm quyền;

- Số lượng ký hiệu là a, b, c, d, đ, e, g,... trong bảng biểu tính điểm của từng dự án, tiểu dự án căn cứ số liệu, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của huyện được các sở, ngành rà soát, thẩm định theo quy định. Số liệu được tổng hợp tại thời điểm lập kế hoạch 5 năm và hàng năm.

B. TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN

I. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Vốn đầu tư

a. *Phân bổ vốn*: Phân bổ 100% vốn cho địa phương thực hiện

b. *Tiêu chí, hệ số phân bổ*

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	$0,4 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	$0,4 \times b$
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	$0,225 \times c$
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	$30 \times d$
	Tổng cộng điểm (1+2+3 +4)			

Đối với nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Danh mục đầu tư xây dựng công trình; căn cứ kế hoạch vốn hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Vốn sự nghiệp

a. *Phân bổ vốn*: Phân bổ 100% vốn cho địa phương thực hiện

b. *Tiêu chí, hệ số phân bổ*

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	$0,1 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	$0,03 \times b$
	Tổng cộng điểm (1+2)			

II. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1. *Vốn đầu tư*: Phân bổ vốn theo danh mục đầu tư xây dựng công trình được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình (được rà soát

điều chỉnh bổ sung nếu có). Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Vốn sự nghiệp: Không

III. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

1.1. Vốn đầu tư: Không

1.2. Vốn sự nghiệp

a. Phân bổ vốn: Phân bổ 100% vốn cho địa phương thực hiện

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 x e
Tổng cộng điểm (1+2+...+6)				

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Vốn đầu tư: Không

2.2. Vốn sự nghiệp

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 9% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 91% vốn cho các địa phương theo tiêu chí, hệ số phân bổ tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 x b
3	Xã ĐBKK đồng thời là xã CT 229	2	c	2 x c
4	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	d	0,15 x d
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4)			

IV. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Vốn đầu tư:

a. *Phân bổ vốn:* 100% vốn cho các địa phương để triển khai thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Phân bổ tối đa 50% tổng số vốn cho các công trình Cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã; công trình cầu giao thông kết nối các xã khu vực III, thôn ĐBKK đã được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình. Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm và nhu cầu thực tế, giao Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát điều chỉnh bổ sung danh mục (nếu có), tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

- Số vốn còn lại thực hiện nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng theo tiêu chí, hệ số phân bổ tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã CT 229 thuộc khu vực II, I (chưa đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	90	b	90 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (không quá 04 thôn/xã)	15	c	15 x c
4	Xã ĐBKK đồng thời là xã CT 229	10	d	10 x d
5	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	e	0,3 x e
	Tổng cộng điểm (1+2+...+5)			

2. Vốn sự nghiệp

a. *Phân bổ vốn:* 100% cho các địa phương triển khai thực hiện

b. *Tiêu chí, hệ số phân bổ*

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Xã CT 229 thuộc khu vực II, I (xã chưa công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	8	b	8 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	c	1,8 x c
4	Xã ĐBKK đồng thời là xã CT 229	1	d	1 x d
5	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	e	0,03 x e
	Tổng cộng điểm (1+2+....+5)			

V. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

1.1. Vốn đầu tư

- Phân bổ 30% vốn cho các sở, ban, ngành triển khai đầu tư cơ sở vật chất các trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc cấp tỉnh quản lý.
- Phân bổ 70% vốn cho các địa phương theo danh mục công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh danh mục, mức vốn theo quy định.

1.2. Vốn sự nghiệp

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 30% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 70% vốn cho các địa phương theo tiêu chí, hệ số phân bổ tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xóa mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xóa mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4)			

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

2.1. Vốn đầu tư: Không

2.2. Vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn cho các sở, ban, ngành.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

3.2. Vốn đầu tư: Không

3.2. Vốn sự nghiệp:

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 40% vốn cho các sở, ban, ngành;

- Phân bổ 60% vốn cho các địa phương theo tiêu chí, hệ số phân bổ tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm			

Tiêu chí, hệ số phân bổ này là căn cứ tính điểm, bố trí vốn cho cấp huyện. Đối với nội dung hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình và mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo danh mục. Căn cứ kế hoạch vốn hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh danh mục, mức vốn theo quy định.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

4.1. Vốn đầu tư: Không

4.2. Vốn sự nghiệp:

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 20% vốn cho các sở, ban, ngành;

- Phân bổ 80% vốn cho các địa phương theo tiêu chí, hệ số phân bổ mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã CT 229 thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu CT 135)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	1,5	b	1,2 x b
	Tổng cộng điểm (1+2)			

VI. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

1. Vốn đầu tư

Phân bổ 100% phân bổ cho cấp huyện theo danh mục công trình; căn cứ kế hoạch vốn hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh danh mục, mức vốn theo quy định.

2. Vốn sự nghiệp

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 50% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 50% vốn cho các địa phương theo tiêu chí, hệ số phân bổ mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	a	0,6 x a
2	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	b	0,5 x b
3	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	c	5 x c
	Tổng cộng điểm (1+2+3)			

VII. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1. Vốn đầu tư: Không

2. Vốn sự nghiệp

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 10% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 90% vốn cho các địa phương áp dụng theo tiêu chí, hệ số tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	b	15 x c
	Tổng cộng điểm			

VIII. Dự án 8: Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

1. Vốn đầu tư: Không

2. Vốn sự nghiệp

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 20% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 80% vốn cho các địa phương áp dụng theo tiêu chí, hệ số tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)	2	b	2 x b
	Tổng cộng điểm			

IX. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù

1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

1.1. Vốn đầu tư: Không

1.2. Vốn sự nghiệp:

a. Phân bổ vốn: Phân bổ 100% vốn cho các địa phương (huyện Tân Sơn, huyện Yên Lập); áp dụng theo tiêu chí, hệ số tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn (dân tộc H'Mông)	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm			

2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.1. Vốn đầu tư: Không

1.2. Vốn sự nghiệp:

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 16% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 84% vốn cho các địa phương áp dụng theo tiêu chí, hệ số tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
	Tổng cộng điểm (1+2+3+4)			

X. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình

1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

1.1. Vốn đầu tư: Không

1.2. Vốn sự nghiệp

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 67% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 33% vốn cho các địa phương áp dụng theo tiêu chí, hệ số tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng			

2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Vốn đầu tư: Phân bổ 100% vốn cho các sở, ban, ngành.

2.2. Vốn sự nghiệp

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 67% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 33% vốn cho các địa phương áp dụng theo tiêu chí, hệ số tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

3.1. Vốn đầu tư: Không

3.2. Vốn sự nghiệp:

a. Phân bổ vốn:

- Phân bổ 55% vốn cho các sở, ban, ngành;
- Phân bổ 45% vốn cho các địa phương áp dụng theo tiêu chí, hệ số tại mục b.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm (1+2+3)			